

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 752/2023/HC-PT

Ngày: 16/10/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán:

Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê
- Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 218/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11518/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1927; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn H1 - Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND huyện T: Ông Trần Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND huyện T: Ông Nguyễn Đức C - Giám đốc Ban quản lý dự án; ông Vũ Tiến Q1 - Phó Giám đốc Ban Q2; ông Nguyễn Hồng S - Cán bộ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q2. Ông C, ông S có mặt; ông Q1 vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1954; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1957; Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Cao T2, sinh năm 1958; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967; Vắng mặt.
- Bà Trần Thị T3, sinh năm 1958; Vắng mặt.
- Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1986; Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1978; Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn G1, sinh năm 1984; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh; Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Người khởi kiện là cụ Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là cụ Nguyễn Thị Quang thông q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình cụ Nguyễn Thị Q là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 2.322m² đất (400m² đất ở và 1.922m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là: UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSD đất) số D0091459, số vào sổ 1200 QSDĐ/576 ngày 29/11/1993 mang tên Nguyễn Cao L1.

Diện tích đất này gia đình cụ Q sử dụng ổn định từ trước năm 1990, năm 2006 cụ Nguyễn Cao L1 chết. Trên thửa đất có xây dựng công trình: 04 căn nhà của anh Phạm Văn H2 (con bà N, cháu ngoại cụ Q), anh Nguyễn Văn G (con ông T2, cháu nội cụ Q), ông Nguyễn Xuân T1 (con cụ Q) và anh Nguyễn Văn G1 (con ông T2, cháu nội cụ Q) xây dựng từ khoảng năm 1995 và toàn bộ công trình chăn nuôi lợn, bò, công trình phụ của gia đình.

Năm 2021, UBND huyện T thực hiện Dự án Đường nối cầu Đ, qua suối Đ, xã Đ, huyện T với đường H - Đ đến khu D, thị trấn Đ, huyện T (viết tắt là: Dự án), theo đó thông báo thu hồi của gia đình cụ Q diện tích 404,6m² đất trồng cây lâu năm, công trình trên đất là toàn bộ căn nhà cấp 4 của anh Phạm Văn H2,

một phần ngôi nhà của anh Nguyễn Văn G và toàn bộ công trình chăn nuôi lợn, bò, công trình phụ của gia đình cụ Q.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số: 1789/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất (*viết tắt là: Quyết định số 1789*), nội dung:

- Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ cụ Nguyễn Thị Q đang sử dụng các thửa đất số 97, 98, 99, 113, 127, tờ bản đồ thu hồi và giao đất số 02, với tổng diện tích là 404,6m².

- Lí do: Không chấp hành Quyết định số: 740/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 (*viết tắt là: Quyết định số 740*) của UBND huyện T về việc thu hồi đất thực hiện Dự án.

- Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất bắt đầu từ ngày 10/12/2021 đến ngày 30/3/2022.

Nhận thấy, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là không đúng quy định pháp luật và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của công dân, bởi lẽ:

Căn cứ mảnh trích đo địa chính thu hồi thì phần diện tích đất thu hồi là 404,6m², trên đất là toàn bộ căn nhà cấp 4 của anh Phạm Văn H2, một phần ngôi nhà của anh Nguyễn Văn G được xây dựng từ khoảng những năm 1995, 1996 và toàn bộ công trình chăn nuôi lợn, bò, công trình phụ của gia đình cụ Q đã sử dụng từ rất lâu. Tại Quyết định số 1789 xác định phần diện tích đất bị thu hồi là 404,6m² mà không xác định loại đất nhưng tại Biểu tính niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, cây cối, tài sản, vật kiến trúc xác định phần đất bị thu hồi là “Đất vườn, ao liền kề đất ở” là không có căn cứ, theo GCNQSD đất có 400m² đất ở, gia đình cụ Q đã xây dựng nhà và công trình trong phần diện tích đất ở được cấp.

Theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013 và Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định thì khi thực hiện thu hồi 404,6m² đất ở thì phải bồi thường loại đất tương ứng.

Phương án bồi thường và mức bồi thường tại thời điểm này không phù hợp, không đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi. Trong phần diện tích đất thu hồi có một phần căn nhà của anh Nguyễn Văn G và toàn bộ căn nhà của anh Phạm Văn H2. Trong đó, khoảng 1/3 căn nhà của anh G nằm trong phần thu hồi là toàn bộ phần phòng khách sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu ngôi nhà, phần còn lại không thể sử dụng được, anh Phạm Văn H2 không có nơi nào khác để ở.

Do vậy, cụ Q đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số: 740 của UBND huyện T (phần liên quan cụ Q) và Quyết định số 1789 của Chủ tịch UBND huyện T. Buộc UBND huyện T xem xét giải quyết bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giao đất tái định cư cho hộ anh Phạm Văn H2, hộ anh Nguyễn Văn G và ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ cụ Nguyễn Thị Q theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Buộc UBND huyện T xem xét giải quyết bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giao đất tái định cư cho hộ anh Phạm Văn H2, hộ anh Nguyễn Văn G và ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ cụ Nguyễn Thị Q theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số: 740 của UBND huyện T (phần liên quan cụ Q) và Quyết định số 1789 của Chủ tịch UBND huyện T vì cho rằng diện tích đất thu hồi là đất ở phải được bồi thường theo giá đất ở.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

Việc ban hành Quyết định số 740, Quyết định số 741 của UBND huyện T, Quyết định số 1789 của Chủ tịch UBND huyện T được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Q, giữ nguyên Quyết định số 740 và Quyết định số 1789.

- Việc xác định phần diện tích đất bị thu hồi 404,6m² là “Đất vườn, ao liền kề đất ở”, UBND huyện T có quan điểm: Thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Quyết định số: 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V quy định về trách nhiệm của UBND các xã (thị trấn) “Chủ trì phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường trong việc đo đạc lập bản đồ, kê khai, kiểm đếm, xác nhận nguồn gốc, chủ sử dụng đất, tài sản trên đất và thu hồi, chỉnh lý hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận đối với diện tích đất bị thu hồi”. Ngày 06/7/2021 UBND thị trấn Đ có Văn bản số: 188/BC-UBND trong đó xác định diện tích 404,6m² nằm trong chỉ giới thu hồi của hộ cụ Nguyễn Thị Q là đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất, ngày 03/8/2021 UBND thị trấn Đ có Tờ trình số 141/TTr-UBND, ngày 25/8/2021 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có Tờ trình số 811/TTr-UBND đề nghị UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất và xác định diện tích 404,6m² đất thu hồi của cụ Q là đất vườn, ao liền kề với đất ở. Trên cơ sở các văn bản và tờ trình này, ngày 31/8/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 740 trong đó thu hồi 404,6m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất của hộ cụ Nguyễn Thị Q. Do đó, việc xác định loại đất thu hồi đối với hộ cụ Q là đúng quy định pháp luật.

- Về đề nghị bồi thường diện tích đất thu hồi 404,6m² bằng đất ở: Thửa đất hộ cụ Q đang sử dụng có diện tích 2.322m² (400m² đất ở và 1.922m² đất trồng cây lâu năm) đã được cấp GCNQSD đất. Để triển khai dự án phải thu hồi diện tích đất 404,6m²/2.322m² mà hộ đang sử dụng, theo xác nhận của UBND thị trấn Đ thì diện tích thu hồi là đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ việc bồi thường

diện tích đất thu hồi 404,6m² đất trồng cây lâu năm cho hộ cụ Q bằng đất ở là không có sơ sở xem xét.

- UBND huyện không có ý kiến gì đối với nội dung người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Buộc UBND huyện T xem xét giải quyết bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giao đất tái định cư cho hộ anh Phạm Văn H2, hộ anh Nguyễn Văn G và ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ cụ Nguyễn Thị Q theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Cụ Nguyễn Cao L1 (chết năm 2006) và cụ Nguyễn Thị Q có 07 người con chung là Nguyễn Xuân T1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Cao T2, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị H3. Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.322m² (400 m² đất ở và 1.922m² đất trồng cây lâu năm) ở tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp GCNQSD đất ngày 29/11/1993 mang tên ông Nguyễn Cao L1 là của cụ L1 và cụ Q. Trên thửa đất có xây dựng công trình: Ông Nguyễn Xuân T1, ông Nguyễn Cao T2, anh Nguyễn Văn G1, anh Nguyễn Văn G và anh Phạm Văn H2. Thực hiện Dự án, UBND huyện T có thu hồi một phần diện tích đất của cụ Q. Quá trình thu hồi, việc kiểm kê tài sản, lập phương án như thế nào, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nắm được cụ thể. Thực tế hiện cụ Q sức khỏe không tốt, tinh thần không minh mẫn, lúc biết, lúc không, cũng không thể tự trình bày được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng không biết việc khởi kiện của cụ Q, xác định không liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và vắng mặt trong quá trình giải quyết xét xử.

- Bà Trần Thị T3 trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Xuân T1, bà thống nhất với trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc thông báo thu hồi đất, kiểm kê tài sản, lập phương án bà được biết và không có ý kiến gì, việc cụ Nguyễn Thị Q không chấp hành Quyết định số 740 ngày 31/8/2021 của UBND huyện T là do không đồng ý với việc thu hồi đất là đất vườn.

- Ông Nguyễn Cao T2 trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của cụ Q. Yêu cầu xác định diện tích đất thu hồi là đất ở và bồi thường bằng đất ở.

- Anh Phạm Văn H2, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn G1: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2022/HC-ST ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện: Buộc Ủy ban nhân dân huyện T xem xét giải quyết bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giao đất tái định cư cho hộ anh Phạm Văn H2, hộ anh Nguyễn Văn G và ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ cụ Nguyễn Thị Q theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 740/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng công trình: Đường nối cầu Đ, qua suối Đ, xã Đ, huyện T với đường H - Đ đến khu D, thị trấn Đ, huyện T, với diện tích đất 404,6m² thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 4 bị thu hồi của hộ cụ Nguyễn Thị Q và Quyết định số: 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022, người khởi kiện là cụ Nguyễn Thị Q (thông qua đại diện theo ủy quyền) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo; các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và xác định bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Cụ Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 740 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 1789 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là cụ Nguyễn Thị Q vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền; người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Cao T2, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị H3, bà Trần Thị T3, anh Phạm Văn H2, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn G1 vắng mặt nhưng không có kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của cụ Nguyễn Thị Q, HĐXX thấy:

[2.1]. Về tính hợp pháp của Quyết định số 740; Quyết định số 741 của UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc:

- Về thẩm quyền ban hành:

UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất; Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28; Điều 56 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh V về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh V về việc điều chỉnh nội dung Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh V.

- Về trình tự, thủ tục ban hành:

Thực hiện Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Dự án, ngày 12/11/2020, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 275/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án.

Sau khi U Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Q2 (*viết tắt là: Ban quản lý Dự án*) đã phối hợp với UBND thị trấn Đ tiến hành kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi của các hộ nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án, trong đó có hộ cụ Nguyễn Thị Q. Việc kiểm đếm được tiến hành với sự tham gia của cụ Nguyễn Thị Q.

Trên cơ sở số liệu kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi, Ban quản lý Dự án huyện Q2 đã phối hợp với UBND thị trấn Đ kiểm tra xác định nguồn gốc đất, loại đất thu hồi. UBND thị trấn Đ đã có Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 02/8/2021 gửi UBND huyện về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Trên cơ sở kết quả thẩm định và Tờ trình số 811/TTr-TNMT ngày 25/8/2021 của Phòng T4 đề nghị thu hồi đất, cùng ngày 31/8/2021, UBND

huyện T đã ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó thu hồi đất diện tích 404,6m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất của hộ cụ Nguyễn Thị Q để thực hiện Dự án đồng thời ban hành Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ cụ Nguyễn Thị Q.

Như vậy, UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 740; Quyết định số 741 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16; Điều 62; Điều 63; Điều 66; Điều 67; Điều 69 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Về nội dung Quyết định số 740, Quyết định số 741:

Thửa đất mà hộ cụ Nguyễn Thị Q đang sử dụng có tổng diện tích là 2.322m² (bao gồm: 400m² đất ở và 1.922m² đất vườn đã được cấp GCNQSD đất). Để triển khai thực hiện dự án, UBND huyện T đã thu hồi diện tích đất 404,6m²/2.322m² của hộ cụ Q đang sử dụng. Theo xác nhận của UBND thị trấn Đ thì diện tích đất thu hồi 404,6m² của cụ Q đã được cấp GCNQSD đất. UBND huyện T đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và tái định cư đảm bảo đúng đơn giá theo quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh V về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V và Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 - 2024.

Xét về nguyên tắc bồi thường về đất, tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*;

Tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình,

cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở”.

Hộ cụ Q sau khi bị thu hồi đất, diện tích đất còn lại sau thu hồi vẫn đủ điều kiện để ở, diện tích đất còn lại không vi phạm quy định về hạn mức đất ở đối với hộ gia đình. Diện tích thu hồi của hộ là phần quán không dùng để ở nên UBND thị trấn Đ và Ban quản lý Dự án đã xác định là đất trồng cây lâu năm sẽ làm diện tích đất ở (đất thổ cư) trong GCNQSD đất không bị giảm trừ sau khi thu hồi và không làm ảnh hưởng đến tính hợp pháp của các công trình xây dựng còn lại trên phần đất không bị thu hồi. UBND huyện T không có quỹ đất để bồi thường bằng đất ở cho các hộ có đất bị thu hồi, do vậy, UBND huyện T quyết định bồi thường, hỗ trợ bằng tiền đối với diện tích đất thu hồi của hộ cụ Q là đúng quy định pháp luật.

Đối với nhà anh Nguyễn Văn G có tổng diện tích hiện trạng nhà ở và các công trình phụ trợ thể hiện trên bản đồ thu hồi đất thực hiện dự án là 188,9m², diện tích nhà ở và các công trình phụ trợ trong chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án là 25,4m² (gồm ¼ gian nhà của ngôi nhà 03 gian), diện tích nhà ở và các công trình phụ trợ còn lại ngoài chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án là 163,5m². Nhà anh Phạm Văn H2 có toàn bộ nhà ở nằm trong chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án diện tích 51,4m², tại thời điểm kiểm đếm và từ thời điểm kiểm đếm đến nay hộ không sử dụng để ở. Quyền sử dụng đất đứng tên cụ L1, anh G, anh H2 chưa được cụ Q và những người thừa kế thực hiện thủ tục tặng cho, chuyển quyền sử dụng theo quy định đối với diện tích đất mà hộ anh H2, anh G đã tạo lập nhà. Theo trình bày của ông T2 và bà T3 thì thừa đất của cụ Q và cụ L1 chia cho 02 người con trai là ông T2 và ông T1, không phải cho anh G, anh H2. UBND huyện T không thu hồi đất của hộ anh G, anh H2, sau khi thu hồi đất phần có nhà ở của anh G 25,4m², gia đình anh G không phải di chuyển chỗ ở, nhà ở và các công trình phụ trợ còn lại của hộ sau thu hồi đất vẫn đủ điều kiện để ở. Đối với hộ anh Phạm Văn H2, tại thời điểm kiểm đếm và từ thời điểm kiểm đếm đến nay hộ không sử dụng để ở nên ý kiến của cụ Q về việc bồi thường bằng đất tái định cư không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

[2.2]. Về tính hợp pháp của Quyết định số 1789 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Sau khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 740 về việc thu hồi đất, cùng ngày 31/8/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 741 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó, hộ cụ Q được bồi thường hỗ trợ về đất 118.143.200đ, bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối trên đất thu hồi của cụ Q, gồm: Anh Nguyễn Trường G2 113.796.958đ, hộ ông Nguyễn Cao T2 10.470.029đ, anh Nguyễn Văn G1 11.418.686đ; hộ bà Trần

Thị T3 130.398.379đ. Đối với tài sản của anh Phạm Văn H2 được phê duyệt tại Quyết định số 1089 với số tiền 165.868.084đ.

Ban quản lý Dự án huyện Q2 đã có các văn bản thông báo và tiến hành 03 lần chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ cụ Q theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt (*Thông báo chi trả tiền số: 107/TB-BQLDA ngày 07/9/2021; Giấy mời chi trả tiền số: 111/GM-BQLDA ngày 10/9/2021; Thông báo chi trả tiền số: 108/GM-BQLDA ngày 16/9/2021; Văn bản số: 415/BQLDA ngày 03/12/2021*) nhưng hộ cụ Q không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng.

Ngày 08/11/2021, Ban quản lý Dự án huyện Q2 đã phối hợp cùng UBND, Ủy ban mặt trận tổ quốc thị trấn Đ, Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện T tổ chức tuyên truyền, vận động hộ cụ Q chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng hộ cụ Q vẫn không chấp hành.

Vì vậy, ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định số 1789 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện Dự án đối với hộ cụ Q.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V về việc Ban hành quy định về việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thì việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ cụ Nguyễn Thị Q là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của cụ Nguyễn Thị Q và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên cụ Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; tuy nhiên, xét thấy cụ Nguyễn Thị Q là người cao tuổi, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hành chính phúc thẩm cho cụ Nguyễn Thị Q theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của cụ Nguyễn Thị Q và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho cụ Nguyễn Thị Q.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyên